

Số: /KH-UBND

Hung Yên, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 12/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Thông báo số 123-TB/VPTW ngày 16/7/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tại buổi làm việc về chất lượng nguồn lao động Việt Nam, giải pháp tạo việc làm bền vững ở nông thôn, đô thị, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và công tác đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới

Thực hiện Thông báo số 123-TB/VPTW ngày 16/7/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tại buổi làm việc về chất lượng nguồn lao động Việt Nam, giải pháp tạo việc làm bền vững ở nông thôn, đô thị, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và công tác đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới; Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 12/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Thông báo số 123-TB/VPTW, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức quán triệt và triển khai nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Quyết định số 1538/QĐ-TTg; cụ thể hóa các nội dung của Thông báo số 123-TB/VPTW phù hợp với điều kiện, đặc điểm kinh tế - xã hội và yêu cầu phát triển của tỉnh Hưng Yên.

b) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, linh hoạt, hiệu quả; tạo việc làm bền vững, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của người lao động.

c) Gắn phát triển nguồn nhân lực với quy hoạch, tổ chức không gian phát triển và các ngành kinh tế động lực của tỉnh; bảo đảm nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch, dịch vụ chất lượng cao, kinh tế biển, công nghiệp, năng lượng, logistics, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế số, kinh tế xanh và các lĩnh vực mới.

d) Tăng cường kết nối giữa Nhà nước - người lao động - doanh nghiệp - cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và cơ sở đào tạo; chuyển mạnh từ đào tạo theo khả năng cung ứng sang đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động và doanh nghiệp.

đ) Chủ động thích ứng với xu hướng già hóa dân số, phát triển các hình thức việc làm phù hợp với lao động trung niên, người cao tuổi còn khả năng lao

động; phát triển nguồn nhân lực phục vụ các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi và từng bước hình thành các ngành nghề, dịch vụ thuộc lĩnh vực kinh tế bạc.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm bám sát đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 1538/QĐ-TTg; phân công cụ thể theo phương châm “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền”.

b) Nhiệm vụ phải có trọng tâm, trọng điểm, khả thi, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; tránh hình thức, chồng chéo, trùng lặp; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ngành, địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

c) Xác định nâng cao chất lượng nguồn lao động, tạo việc làm bền vững và đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, liên ngành, thường xuyên và lâu dài. Lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, phát triển đô thị, chuyển đổi số và các chương trình, đề án có liên quan của tỉnh.

d) Phát huy vai trò chủ động của doanh nghiệp trong xác định nhu cầu nhân lực, xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao, đánh giá kỹ năng và tuyển dụng người lao động.

đ) Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đề xuất điều chỉnh cơ chế, chính sách phù hợp.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển lực lượng lao động tỉnh Hưng Yên có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số, tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động cao; hình thành đội ngũ nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa và chuyển đổi số. Xây dựng lực lượng lao động của tỉnh đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, thích ứng với xu hướng biến động của thị trường lao động, đảm bảo cơ cấu ngành nghề phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đưa Hưng Yên trở thành trung tâm công nghiệp - đô thị thông minh, trung tâm kinh tế biển mạnh phía Bắc.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Hằng năm đào tạo mới, đào tạo lại từ 55.000 đến 60.000 lao động.

b) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 40,5% (tỷ lệ lao động có trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên đạt trên 30%; tỷ lệ người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ đạt ít nhất 35%).

c) Phân đầu 100% lao động có kỹ năng số cơ bản, trong đó 20% có kỹ năng số nâng cao.

d) Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân hằng năm trên 10%.

- đ) Ít nhất 80% cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc gia.
- e) Bình quân hằng năm thu hút thêm từ 5.000 - 6.000 lao động ngoài tỉnh trở lên và 4.000 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài hết hạn hợp đồng về nước.
- g) Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng số lao động giảm còn 15%.
- h) 100% người lao động được khám sức khỏe định kỳ hằng năm; trên 70% người lao động làm việc trong điều kiện bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; tối thiểu 60% người lao động được tiếp cận các hoạt động chăm sóc sức khỏe, cải thiện dinh dưỡng, rèn luyện thể lực và tuyên truyền nâng cao thể trạng tại doanh nghiệp.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tạo việc làm bền vững ở khu vực đô thị gắn với mô hình tăng trưởng mới, phát triển doanh nghiệp và nâng cao chất lượng sống

- a) Phát triển cầu lao động gắn với mô hình tăng trưởng mới
 - Tập trung phát triển việc làm trong các ngành có giá trị gia tăng cao, sử dụng công nghệ tiên tiến, có khả năng nâng cao năng suất lao động, gồm: Du lịch, dịch vụ du lịch chất lượng cao; thương mại, logistics, dịch vụ cảng biển; công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ; năng lượng và các ngành công nghiệp liên quan; kinh tế số, thương mại điện tử; kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; Dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe và các dịch vụ phục vụ người cao tuổi.
 - Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư tạo nhiều việc làm có năng suất, giá trị gia tăng cao, có hoạt động chuyển giao công nghệ và đào tạo người lao động; hạn chế các dự án chủ yếu dựa vào lao động giản đơn, tiêu hao nhiều tài nguyên và năng lượng.
- b) Dự báo nhu cầu nhân lực tại các khu vực phát triển

Rà soát, dự báo nhu cầu nhân lực tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các dự án lớn, công trình trọng điểm và các ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao. Trên cơ sở đó xây dựng phương án đào tạo, kết nối, điều tiết, thu hút lao động, hạn chế tình trạng thiếu hụt nhân lực ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư, sản xuất, kinh doanh.
- c) Phát triển việc làm chính thức
 - Khuyến khích hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp siêu nhỏ và lao động phi chính thức chuyển sang khu vực chính thức; tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ người sử dụng lao động thực hiện hợp đồng lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội và các chính sách liên quan.
 - Nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ việc làm, tư vấn, hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với lao động đô thị, nhất là lao động phi chính thức, lao động mất việc làm hoặc có nguy cơ mất việc làm.
- d) Gắn việc làm với chất lượng sống

Lồng ghép mục tiêu tạo việc làm với phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, nhà ở cho thuê, giao thông công cộng, trường học, y tế, thiết chế văn hóa và

các dịch vụ thiết yếu tại khu vực tập trung đông người lao động.

2. Tạo việc làm bền vững ở khu vực nông thôn gắn với nâng cao giá trị lao động, thúc đẩy chuyển dịch lao động có kỹ năng và bảo đảm sinh kế bền vững

a) Phát triển sinh kế và việc làm tại chỗ

- Gắn đào tạo nghề với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Phát triển hoạt động chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với du lịch nông nghiệp, nông thôn, sản phẩm OCOP và hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình, hợp tác xã và doanh nghiệp ở nông thôn.

- Phát triển mô hình liên kết giữa nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu và cơ sở đào tạo, gắn với thị trường đầu ra và khả năng tạo thu nhập cho người lao động.

b) Hỗ trợ chuyển dịch lao động

- Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ tạo việc làm, chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn.

- Tăng cường hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo nghề, đào tạo lại cho lao động nông thôn theo hướng gắn với nhu cầu thị trường; hỗ trợ người lao động chuyển từ việc làm năng suất thấp sang việc làm có năng suất, thu nhập và điều kiện làm việc tốt hơn.

c) Phát triển kỹ năng cho lao động nông thôn

- Trang bị cho lao động nông thôn kỹ năng nghề, kỹ năng số, kỹ năng xanh, kỷ luật lao động, kiến thức pháp luật và khả năng tiếp cận bảo hiểm, tín dụng, thông tin thị trường lao động, dịch vụ việc làm. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị cho hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp nông thôn.

- Khuyến khích phát triển đội ngũ nông dân chuyên nghiệp nông dân số và lao động kỹ thuật chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

- Ưu tiên phát triển các kỹ năng: Kỹ năng sản xuất và kỹ năng quản trị kinh doanh, kỹ năng số, kỹ năng thương mại điện tử, kỹ năng marketing và bán hàng; kỹ năng du lịch cộng đồng và kỹ năng chế biến, bảo quản sản phẩm.

3. Đổi mới đào tạo nguồn nhân lực

a) Đào tạo theo nhu cầu thị trường lao động

- Chuyển mạnh từ đào tạo theo năng lực cung ứng của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thị trường lao động và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh đánh giá, công nhận kỹ năng nghề, công nhận kết quả học tập và kinh nghiệm làm việc; xây dựng cơ chế hỗ trợ người lao động thường xuyên học tập, tích lũy kỹ năng trong suốt quá trình làm việc.

b) Phát triển mô hình Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu thị trường lao động phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo cơ chế đặt hàng đào tạo. Phát huy vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong đặt hàng, tổ chức thực hành và đánh giá chất lượng đầu ra.

- Đẩy mạnh hoạt động tiếp nhận học sinh, sinh viên thực hành nâng cao kỹ năng và đánh giá kỹ năng nghề đáp ứng nhu cầu tuyển dụng lao động sau đào tạo.

c) Đẩy mạnh đào tạo lại và đào tạo nâng cao

Tổ chức đào tạo lại, đào tạo nâng cao đối với người lao động bị mất việc, có nguy cơ mất việc hoặc cần chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và ứng dụng công nghệ mới.

d) Ưu tiên đào tạo các ngành, nghề đáp ứng nhu cầu thị trường lao động

Xác định cụ thể nhu cầu, nội dung đào tạo theo từng ngành, nghề, trình độ, trong đó tập trung đào tạo nhân lực cho người lao động làm việc trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghệ số; logistics; du lịch và dịch vụ chất lượng cao; nông nghiệp công nghệ cao; kinh tế biển; năng lượng; kinh tế xanh; dịch vụ hiện đại; chăm sóc sức khỏe và chăm sóc người cao tuổi.

đ) Đổi mới đánh giá hiệu quả đào tạo

Từng bước chuyển phương thức đánh giá hiệu quả đào tạo từ chủ yếu dựa vào số lượng người được đào tạo sang đánh giá theo: Tỷ lệ có việc làm sau đào tạo, mức thu nhập của người lao động sau đào tạo theo các ngành nghề; mức độ đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp; mức độ sử dụng hiệu quả lao động và mức độ hài lòng của người học - doanh nghiệp.

4. Mở rộng các kênh tạo việc làm, nâng cao chất lượng dịch vụ việc làm và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

a) Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các hình thức giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động. Phát huy vai trò, chức năng của Trung tâm Dịch vụ việc làm, thường xuyên tổ chức các hoạt động giao dịch việc làm, đảm bảo số lượng và chất lượng tư vấn, tuyển dụng; đồng thời, tổ chức các hoạt động giao dịch việc làm lưu động đến các địa bàn có nhiều doanh nghiệp; xây dựng và phát triển sàn giao dịch việc làm trực tuyến trên nền tảng ứng dụng công nghệ số để tăng khả năng tiếp cận của doanh nghiệp, người lao động. Tăng cường kết nối cung - cầu lao động giữa các địa bàn trong tỉnh và với các tỉnh, thành phố khác.

b) Đổi mới công tác dự báo thông tin thị trường lao động; đẩy mạnh phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, cơ sở dữ liệu về lao động, việc làm; quản lý lao động khu vực chính thức và phi chính thức có sự liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu khác. Nâng cao chất lượng dự báo trung và dài hạn, đặc biệt đối với các ngành chịu tác động mạnh của tự động hóa, chuyển đổi số và biến động dân số; kịp thời điều chỉnh cơ cấu đào tạo, sử dụng lao động phù hợp.

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu, tổ chức tốt công tác kết nối, giới thiệu việc làm cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài hết hạn hợp đồng trở về làm việc trong các doanh nghiệp tại tỉnh; nghiên cứu, ban hành chính sách hỗ trợ người lao động ngoài tỉnh đến làm việc tại Hưng Yên, bảo đảm người lao động ngoài tỉnh được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, nhà ở,... Quan tâm xây dựng chính sách thích ứng với xu hướng già hóa dân số, trong đó nghiên cứu các giải pháp kéo dài thời gian tham gia thị trường lao động hợp lý, đào tạo lại, bồi dưỡng kỹ năng cho lao động trung niên và cao tuổi.

d) Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh nhằm hình thành lực lượng lao động có kỹ năng nghề, tư duy đổi mới sáng tạo, khả năng thích ứng cao và tạo việc làm bền vững, đặc biệt đối với lực lượng lao động trẻ trong môi trường số. Ưu tiên hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp trong các ngành, lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, ứng dụng AI như công nghệ, kinh tế số, thương mại điện tử, nông nghiệp công nghệ cao và các ngành sáng tạo, mới nổi.

đ) Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, an toàn, vệ sinh lao động, vệ sinh thực phẩm và thể lực người lao động trong quá trình phát triển nguồn nhân lực.

e) Xây dựng các chính sách thu hút, giữ chân và nâng cao phúc lợi người lao động. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo, gắn thu hút chuyên gia, nhân tài và lao động kỹ thuật cao với chuyển giao công nghệ.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động lồng ghép nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình, đề án, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc bố trí kinh phí thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách hằng năm, bảo đảm đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

4. Khuyến khích huy động nguồn lực xã hội, nguồn lực của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để thực hiện đào tạo, phát triển kỹ năng, dịch vụ việc làm và các mô hình tạo việc làm bền vững.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ chủ trì:

- Là cơ quan đầu mối, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều chỉnh nhiệm vụ khi cần thiết.

- Phối hợp thu thập, phân tích, dự báo thông tin thị trường lao động và nhu cầu nhân lực; phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp xác định nhu cầu nhân lực, tình trạng thiếu hụt lao động, thiếu hụt kỹ năng, làm cơ sở kết nối cung - cầu lao động và định hướng đào tạo.

- Thực hiện các nhiệm vụ về việc làm, phát triển thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định.

- Rà soát, đề xuất cơ chế, chính sách về lao động, việc làm và phát triển nguồn nhân lực thuộc phạm vi quản lý; tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo theo quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Triển khai thực hiện nội dung đổi mới công tác hướng nghiệp, phân luồng giáo dục nghề nghiệp, định hướng và đào tạo nguồn nhân lực theo quy định.

- Tăng cường hướng dẫn triển khai hình thức liên kết giữa cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; xác định nhu cầu đào tạo nhân lực đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động, phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Tăng cường đổi mới đánh giá hiệu quả đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thị trường lao động trong tình hình mới.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tham mưu thực hiện các nhiệm vụ về phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo gắn với kỹ năng số. Phối hợp rà soát, dự báo nhu cầu phát triển nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; thúc đẩy đào tạo kỹ năng số và nhân lực phục vụ các ngành công nghệ mới.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp phát triển việc làm, sinh kế bền vững ở nông thôn; xác định nhu cầu đào tạo lao động trong nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chế biến nông - lâm - thủy sản và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

5. Sở Y tế chủ trì tham mưu thực hiện các nhiệm vụ về nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, an toàn vệ sinh lao động; tham gia xây dựng các chương trình đào tạo nhân lực chăm sóc người cao tuổi và phát triển dịch vụ thích ứng với già hóa dân số.

6. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu bố trí nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách và quy định hiện hành.

7. Ban Quản lý các Khu công nghệ tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh

- Chủ trì, phối hợp rà soát, nắm bắt tình hình sử dụng lao động tại các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế; tập trung vào nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp theo từng ngành nghề, vị trí việc làm, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề, số lượng và thời gian cần tuyển của từng địa bàn, thời điểm; kịp thời thông tin về Sở Nội vụ và các địa phương để tổ chức kết nối cung - cầu lao động.

- Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở đào tạo kết nối doanh nghiệp với cơ sở đào tạo; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia đặt hàng đào tạo, đào tạo theo nhu cầu, đào tạo tại doanh nghiệp, tiếp nhận học

sinh, sinh viên thực tập và tuyển dụng sau đào tạo.

8. Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch triển khai; xác định nhu cầu nhân lực của ngành, lĩnh vực; phối hợp đào tạo, phát triển kỹ năng và giải quyết việc làm bền vững cho người lao động phù hợp với điều kiện từng khu vực đô thị, nông thôn trong giai đoạn phát triển mới.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và người dân tham gia đào tạo nghề, phát triển kỹ năng, tìm kiếm việc làm; giám sát việc thực hiện chính sách về lao động, việc làm và đào tạo nguồn nhân lực.

10. Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức triển khai các nhiệm vụ phù hợp với điều kiện địa phương; thường xuyên rà soát nhu cầu lao động, việc làm, đào tạo nghề; tuyên truyền, tư vấn, giới thiệu việc làm; hỗ trợ chuyển đổi nghề; phối hợp cập nhật dữ liệu thị trường lao động; phát triển các mô hình tạo việc làm và sinh kế phù hợp.

VI. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường căn cứ nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ hằng năm về Sở Nội vụ **trước ngày 10 tháng 12** để tổng hợp.

2. Sở Nội vụ tổng hợp, theo dõi tình hình thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 12/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; yêu cầu các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân xã, phường nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để hướng dẫn, giải quyết hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Nghiêm

